

Số: /2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức hỗ trợ kinh phí lập dự án, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị vào cụm công nghiệp theo Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ và trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng được bổ sung bởi Điều 19 Nghị định 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thực hiện di dời, đầu tư tại cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 2772/TTr-SCT ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Văn bản số 3274/SCT-QLCN ngày 20 tháng 6 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 188/BC-STP ngày 28 tháng 5 năm 2026; ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ kinh phí lập dự án, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị vào cụm công nghiệp theo Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ và trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ kinh phí lập dự án, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị vào cụm công nghiệp theo Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ và trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 3. Các Ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (th/h);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh;
- V0-V4, các CVNCTH;
- Trung tâm thông tin;
- Phòng HC-TC-TV;
- Lưu: VT, QH1.

QĐ-21.2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Ánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quy định mức hỗ trợ kinh phí lập dự án, chi phí vận chuyển,
lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị vào cụm công nghiệp
theo Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ và trình tự, thủ tục
thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND
của Hội đồng nhân dân tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định mức hỗ trợ kinh phí lập dự án đầu tư và chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình trong khu dân cư thực hiện di dời vào cụm công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Quy định hồ sơ, trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ sở sản xuất) thực hiện di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại khoản 1 Điều này và chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình trong khu dân cư thực hiện di dời vào cụm công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Các cơ quan nhà nước, chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

Chương II

**HỖ TRỢ KINH PHÍ LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CHI PHÍ VẬN CHUYỂN, LẮP ĐẶT
MÁY MÓC, DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHO CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT
THỰC HIỆN DI DỜI VÀO CỤM CÔNG NGHIỆP THEO QUY ĐỊNH
TẠI ĐIỂM C KHOẢN 2 ĐIỀU 27 NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2024/NĐ-CP**

Điều 3. Mức hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này được hỗ trợ:

1. Kinh phí lập dự án đầu tư: mức hỗ trợ bằng 100% chi phí thực tế nhưng không quá 180 triệu đồng/cơ sở.
2. Chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị: mức hỗ trợ bằng 100% chi phí thực tế nhưng không quá 120 triệu đồng/cơ sở.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH HỖ TRỢ KINH PHÍ

Điều 4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quy định này (sau đây gọi chung là cơ sở) lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp tiếp nhận cơ sở di dời, đầu tư. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các nội dung theo Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND và nội dung quy định tại Điều 3 Quy định này được thực hiện chung trong cùng 01 bộ hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Bản sao hợp đồng thuê hạ tầng cụm công nghiệp; chứng từ thanh toán hoặc tài liệu chứng minh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

c) Bản sao các tài liệu chứng minh cơ sở sản xuất đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng tại cụm công nghiệp gồm: biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, biên bản thanh lý hợp đồng, chứng từ thanh toán và các tài liệu hợp pháp khác có liên quan.

3. Đối với cơ sở thực hiện di dời vào cụm công nghiệp, ngoài hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này phải có thêm các tài liệu sau:

a) Đối với trường hợp địa điểm hoạt động trước khi di dời và cụm công nghiệp tiếp nhận cơ sở thuộc địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp xã khác nhau: bản sao biên bản xác nhận việc chấm dứt hoạt động sản xuất tại địa điểm cũ do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở hoạt động trước khi di dời lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Đối với cơ sở có đề nghị hỗ trợ kinh phí lập dự án đầu tư: bản sao hợp đồng tư vấn lập dự án đầu tư, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng, chứng từ thanh toán và tài liệu hợp pháp khác có liên quan.

c) Đối với cơ sở có đề nghị hỗ trợ chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị: bản sao hợp đồng vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng, chứng từ thanh toán và tài liệu hợp pháp khác có liên quan.

Điều 5. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và quyết định hỗ trợ

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra, xác minh, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

3. Nội dung thẩm định gồm:

a) Việc đáp ứng đối tượng, điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND và Quy định này;

b) Việc hoàn thành di dời, đầu tư xây dựng tại cụm công nghiệp.

c) Việc chấm dứt hoạt động sản xuất tại địa điểm cũ đối với cơ sở sản xuất thực hiện di dời.

d) Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh từng nội dung đề nghị hỗ trợ.

đ) Sự phù hợp của nội dung, mức hỗ trợ đề nghị với Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND và Điều 3 Quy định này.

e) Sự phù hợp của ngành, nghề sản xuất, kinh doanh với ngành, nghề được phép hoạt động tại cụm công nghiệp.

g) Việc hỗ trợ không trùng lặp đối với cùng một nội dung hoặc cùng một khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ từ chính sách khác.

4. Lệ phí thực hiện: Không.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quy định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND và Quy định này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện khi cần thiết.

3. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 và ngày 30 tháng 12 hàng năm.

4. Định kỳ 06 tháng công bố, cập nhật thông tin về các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm: tên, vị trí, diện tích, tỷ lệ lấp đầy, diện tích đất công nghiệp còn có thể cho thuê và các thông tin cần thiết khác để phục vụ việc thu hút, tiếp nhận cơ sở sản xuất di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở dự toán của các địa phương lập, Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Hướng dẫn, phối hợp xử lý các nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, các cơ sở sản xuất thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường, quy hoạch, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ di dời, đầu tư và cụm công nghiệp tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND và Quy định này; rà soát, hướng dẫn các cơ sở có nhu cầu di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định.

2. Tiếp nhận, tổng hợp thông tin đăng ký của các cơ sở về nhu cầu di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp trên địa bàn; xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ; ban hành quyết định hỗ trợ; tổ chức giải ngân, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ và thực hiện việc thu hồi kinh phí hỗ trợ trong trường hợp phải thu hồi theo quy định.

4. Phối hợp với chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trong việc rà soát quỹ đất, tiếp nhận, bố trí mặt bằng cho các cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp; công khai quy hoạch chi tiết, diện tích đất công nghiệp còn có thể cho thuê và các chính sách có liên quan để tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

5. Theo dõi, kiểm tra việc duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh tại cụm công nghiệp của các cơ sở đã được hỗ trợ; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với trường hợp vi phạm, không duy trì hoạt động hoặc trường hợp phải thu hồi kinh phí hỗ trợ theo quy định.

6. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Công Thương trước ngày 25 tháng 6 và ngày 25 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của Chủ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, cung cấp thông tin về quy hoạch chi tiết, diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê, giá thuê hạ tầng, điều kiện tiếp nhận và các thông tin cần thiết khác phục vụ việc hướng dẫn, tiếp nhận cơ sở sản xuất di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp.

2. Ký kết, thực hiện hợp đồng thuê hạ tầng cụm công nghiệp với cơ sở theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Xác nhận thông tin về hợp đồng thuê hạ tầng, tình trạng thuê hạ tầng và hoạt động của cơ sở tại cụm công nghiệp theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

4. Cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan phục vụ công tác thẩm định, giải ngân, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp

1. Lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ và cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác các hồ sơ, tài liệu có liên quan theo Quy định này.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, thuê hạ tầng cụm công nghiệp và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Đối tượng đã đáp ứng đầy đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo Điều 3 Quy định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2030 nhưng chưa được nhận hỗ trợ hoặc chưa được nhận đủ mức hỗ trợ thì tiếp tục được hưởng hỗ trợ theo Quy định này.

2. Việc tiếp tục giải quyết hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này được thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời gửi ý kiến về Sở Công Thương để rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC
CÁC MẪU VĂN BẢN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí thực hiện di dời, đầu tư/đầu tư vào cụm công nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ chi phí thực hiện di dời, đầu tư/đầu tư vào cụm công nghiệp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu

1. Tên cơ sở:
2. Mã số đăng ký hoặc thông tin pháp lý của cơ sở:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:
 - Số điện thoại liên hệ:
5. Thông tin về dự án/cơ sở sản xuất tại cụm công nghiệp:
 - Tên cụm công nghiệp:
 - Địa điểm:
 - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh:
 - Diện tích thuê hạ tầng:
 - Thời điểm hoàn thành đầu tư, đưa vào hoạt động:
6. Nội dung đề nghị hỗ trợ:
 - a) Nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND:
 - Chi phí xây dựng nhà xưởng mới tại cụm công nghiệp:
 - Chi phí thuê hạ tầng:
 - b) Nội dung hỗ trợ theo Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND:
 - Chi phí lập dự án đầu tư:
 - Chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị:
7. Tổng kinh phí đã thực hiện:
8. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:

9. Danh mục hồ sơ gửi kèm:

.....

10. Cam kết của cơ sở:

- Hồ sơ, tài liệu gửi kèm là đúng sự thật, hợp pháp và còn hiệu lực.
- Nội dung đề nghị hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, nội dung hỗ trợ theo quy định.
- Không đề nghị hỗ trợ trùng lặp đối với cùng một khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ.
- Duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh tại cụm công nghiệp nêu trên trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.
- Thực hiện kê khai thuế theo quy định trong thời gian hoạt động tại cụm công nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, thuế và pháp luật khác có liên quan.
- Trường hợp vi phạm cam kết, xin chấp hành việc hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ theo quy định.

Quảng Ninh, ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 02: Biên bản xác nhận việc chấm dứt hoạt động sản xuất tại địa điểm sản xuất, kinh doanh cũ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

BIÊN BẢN

Xác nhận việc chấm dứt hoạt động sản xuất tại địa điểm cũ

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày tháng năm ...

Tại:

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã

Ông/Bà:; Chức vụ:

2. Đại diện cơ sở:

- Tên cơ sở:

- Mã số đăng ký hoặc thông tin pháp lý của cơ sở:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Đại diện:; Chức vụ:

3. Đại diện các đơn vị liên quan (nếu có)

- Đại diện thôn/khu phố:

- Đại diện tổ chức đoàn thể hoặc cơ quan chuyên môn:

I. Thông tin cơ sở sản xuất trước khi di dời

1. Tên cơ sở sản xuất:

2. Địa điểm cơ sở sản xuất:

3. Ngành nghề sản xuất:

4. Diện tích sử dụng:

5. Thời gian bắt đầu hoạt động tại địa điểm cũ:

II. Nội dung kiểm tra, xác nhận

Qua kiểm tra thực tế tại địa điểm nêu trên, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu xác nhận:

1. Cơ sở đã chấm dứt hoạt động sản xuất tại địa điểm cũ kể từ ngày tháng năm

2. Máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và các tài sản phục vụ sản xuất đã được di chuyển khỏi địa điểm cũ.

3. Địa điểm nêu trên không còn hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của cơ sở

4. Cơ sở đã di dời hoạt động sản xuất đến:

- Tên cụm công nghiệp:

- Vị trí, địa điểm:

- Đơn vị kinh doanh hạ tầng:

III. Kết luận

Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu xác nhận cơ sở..... đã hoàn thành việc di dời cơ sở sản xuất khỏi khu dân cư tại địa chỉ nêu trên.

Biên bản này được lập làm căn cứ để cơ sở hoàn thiện hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số .../2026/QĐ-UBND.

Biên bản được lập thành bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Quyết định hỗ trợ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU**
.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt hỗ trợ chi phí thực hiện di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...;
Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
Căn cứ Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp đối với cơ sở:

1. Tên cơ sở được hỗ trợ:.....

2. Mã số đăng ký hoặc thông tin pháp lý của cơ sở:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

4. Người đại diện:

Họ và tên:

Chức vụ:

5. Địa điểm thực hiện dự án/cơ sở sản xuất tại cụm công nghiệp:

6. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND:

- Chi phí xây dựng nhà xưởng mới tại cụm công nghiệp:.....

- Chi phí thuê hạ tầng:.....

b) Hỗ trợ theo Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND:

- Kinh phí lập dự án đầu tư:.....

- Chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc, dây chuyền thiết bị:.....

7. Tổng kinh phí được hỗ trợ:.....

(Bằng chữ:))

8. Nguồn kinh phí hỗ trợ:.....

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ sở được hỗ trợ có trách nhiệm thực hiện đúng các cam kết trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ; duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh tại cụm công nghiệp và có phát sinh kê khai thuế trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ; hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ trong trường hợp vi phạm cam kết, sử dụng hồ sơ, tài liệu không trung thực hoặc thuộc trường hợp phải thu hồi kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giải ngân, thanh quyết toán, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông/bà Trưởng các bộ phận chuyên môn, Chánh Văn phòng UBND xã/phường/đặc khu..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
-;
- Đơn vị được hỗ trợ;;
- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN